

Bản án số: **71/2025/DS-ST**

Ngày: 29-9-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Na Na

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Hoa

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2025/QĐXXST-DS ngày 29-8-2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2025/QĐST-DS ngày 13-9-2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Địa chỉ: Số H L, phường G, Thành Phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T - Trung tâm thu hồi nợ khách hàng. Địa chỉ: số I C, phường B, Thành Phố Hồ Chí Minh, tại Văn bản ủy quyền số 1188 ngày 20/2/2024.

(Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt).

Bị đơn:

- Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1985,

Địa chỉ: Tổ B, phường C, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chị Phạm Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ B, phường N, tỉnh Quảng Ngãi.

(Anh H, chị T1 đều vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần M1

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B Phố T, Phường C, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T2 - Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Huy M, ông Nguyễn Trần Minh N và ông Lương Văn C.

Cùng địa chỉ: Tầng G, Tòa nhà C, số D B N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh,

(Công ty vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 7-8-2024 và quá trình giải quyết vụ án; người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (viết tắt là Ngân hàng) trình bày:*

Ngày 07/12/2017 anh Nguyễn Ngọc H, chị Phạm Nguyễn Thanh T1 đã ký kết Hợp đồng cho vay số LL1711200326699/VTH/HĐTD và Khế ước nhận nợ lần 01/số LN1711200326699/VTH/HĐTD/2022HĐTD/QNI/01 ngày 07-12-2017 tại Ngân hàng với số tiền vay 559.000.000 đồng. Thời hạn vay 83 tháng (từ ngày 9/12/2017 đến 09-12-2024 mục đích vay mua xe ô tô, lãi suất trong hạn 10,9%/năm cố định trong thời hạn 12 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh 3 tháng/lần với biên độ 6%/năm.

Tài sản thế chấp cho Ngân hàng 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, biển số 76A.067.52 đứng tên anh Nguyễn Ngọc H và chị Phạm Nguyễn Thanh T1. Giấy chứng nhận đăng ký xe số 015988 do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh Q cấp 05/12/2017, Tại Hợp đồng thế chấp tài sản số LN1711200326699/VTH/HĐTCSP ngày 07/12/2017, tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành Phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh H, chị T1 đã trả nợ cho Ngân hàng với tổng số tiền tính đến ngày 15/5/2024 là 264.490.978 đồng (nợ gốc: 148.170.017 đồng, nợ lãi 116.320.961 đồng). Từ tháng 6/2024 đến nay bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết dẫn đến phát sinh nợ quá hạn. Tính đến ngày 27/8/2024 bị đơn còn nợ tại Ngân hàng với tổng số tiền 858.393.630 đồng (Trong đó: nợ gốc 410.829.983 đồng; nợ lãi 447.563.647 đồng). Tính đến ngày 29/9/2025 bị đơn anh H, chị T1 còn nợ Ngân hàng với tổng số tiền 942.672.934 đồng, trong đó nợ gốc 410.829.983 đồng, nợ lãi 531.842.951 đồng (lãi trong hạn 3.918.543 đồng, lãi quá hạn: 527.924.408 đồng).

Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi giải quyết:

Buộc bị đơn anh Nguyễn Ngọc H, chị Phạm Nguyễn Thanh T1 phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 29/9/2025: 942.672.934 đồng, nợ gốc 410.829.983 đồng, nợ lãi 531.842.951 đồng (lãi trong hạn 3.918.543 đồng, lãi quá hạn: 527.924.408 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi anh H, chị T1 trả xong nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp anh Nguyễn Ngọc H, chị Phạm Nguyễn Thanh T1 không thanh toán đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền phát mại tài sản thế chấp là

01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, số loại CRUZE LTZ, số khung: RLLJA695EHH948418; số máy: F18D4172000184, biển kiểm soát 76A-067.52 tại hợp đồng thế chấp tài sản số LN1711200326699/VTH/HĐTCSP ngày 07/12/2017 để trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thì anh H, chị T1 vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán hết nợ.

*** Đối với bị đơn anh Nguyễn Ngọc H, chị Phạm Nguyễn Thanh T1:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Tại văn bản số 6102/CV- XLN ngày 21-02-2025 của Công ty Cổ Phần M1 (gọi tắt là Công ty) có ý kiến trình bày:

Theo Hợp đồng mua bán nợ số 15/2024/VPB-JUPITER ngày 27 tháng 12 năm 2024 và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V (V1) với Công Ty thì V1 đồng ý bán và Công T3 đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 10/04/1985, CMND số 212556728 do Công an tỉnh Q cấp ngày 17/05/2017 và bà Phạm Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 03/02/1991, CMND số 212565359 do Công an tỉnh Q cấp ngày 06/04/2011, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Nguyễn Ngọc H và bà Phạm Nguyễn Thanh T1 đã ký kết với V1.

Đồng thời, V1 chuyển giao quyền chủ nợ, Công ty K đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của V1 đối với (các) khoản nợ đã mua và quyền đối với (các) tài sản bảo đảm liên quan đến khoản nợ của ông Nguyễn Ngọc H và bà Phạm Nguyễn Thanh T1. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật.

Vì vậy, bằng văn bản này, Công ty kính đề nghị Tòa án công nhận và thực hiện thủ tục chuyển giao, kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của V1 sang Công ty trong vụ án tranh chấp tín dụng giữa Nguyên đơn là V1 với Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc H và bà Phạm Nguyễn Thanh T1.

Căn cứ chuyển giao, kế thừa quyền và nghĩa vụ: Khoản 1, 2 Điều 365 Bộ Luật dân sự 2015, Điều 368 Bộ Luật dân sự 2015, Khoản 4 Điều 74 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015. Điểm b, c Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao. Công ty xin vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi đề nghị:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ Luật Tố tụng

dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chưa có tài liệu chứng cứ thể hiện việc Ngân hàng Thông báo hợp lệ cho bị đơn anh H và chị T1 biết về việc giao quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng cho Công ty cổ phần M1 theo quy định tại Điều 366 BLDS 2015 và Điều 5 tại Hợp đồng mua bán nợ số 15. Do đó, Việc Công ty cổ phần M1 đề nghị công nhận và thực hiện thủ tục chuyển giao, kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng sang Công ty cổ phần M1 trong vụ án tranh chấp tín dụng giữa nguyên đơn là Ngân hàng với bị đơn là anh Nguyễn Ngọc H, chị Phạm Nguyễn Thanh T1 là không có căn cứ. Xác định tư cách tố tụng của Công ty cổ phần M1 trong vụ án này là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Xét việc thế chấp tài sản xe ô tô ngày 7/12/2017 của anh H, chị T1 được thực hiện đúng quy định của pháp luật tại các Điều 295, 298, 299 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 4, Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01-9-2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng, buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng với số tiền tính đến ngày 29/9/2025: 942.672.934 đồng, trong đó nợ gốc 410.829.983 đồng, nợ lãi 531.842.951 đồng (lãi trong hạn 3.918.543 đồng, lãi quá hạn: 527.924.408 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi anh H, chị T1 trả xong nợ cho Ngân hàng. Trường hợp bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền phát mại tài sản thế chấp: 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, số loại CRUZE LTZ, số khung: RLLJA695EHH948418; số máy: F18D4172000184, biển kiểm soát 76A-067.52 tại hợp đồng thế chấp tài sản số LN1711200326699/VTH/HĐTCSP ngày 07/12/2017 để trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần V (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện tranh chấp yêu cầu trả tiền vay tại Hợp đồng cho vay với anh Nguyễn Ngọc H, chị Phạm Nguyễn Thanh T1. Trong vụ án này anh H, chị T1 không có đăng ký kinh doanh, mục đích vay tiền để mua xe và tại thời điểm Ngân hàng cấp tín dụng cho anh H, chị T1 thì anh H có địa chỉ cư trú trước sáp nhập tổ I,

phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay là tổ B, phường C, tỉnh Quảng Ngãi), chị T1 có địa chỉ cư trú trước sáp nhập tổ E, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay là tổ B, phường N, tỉnh Quảng Ngãi). Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án dân sự, quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án. Ngày 05/8/2025 Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi đã nhận các tài liệu chứng cứ gồm: Hợp đồng mua bán nợ số 15/2024/VPB-JUPITER ngày 27 tháng 12 năm 2024; Văn bản số 6102/2025/CV-XLN ngày 21/02/2025 của Công ty cổ phần M1 và một số tài liệu chứng cứ khác do Công ty cổ phần M1 nộp đến Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã có Thông báo bổ sung Công ty cổ phần M1 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[1.3] *Xét việc Nguyên đơn là Ngân hàng vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt không có lý do, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.*

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh H, chị T1 đã vắng mặt tại nơi cư trú nhưng lại không thông báo cho Ngân hàng biết là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh hoàng, chị T1 tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh H, chị T1 vẫn vắng mặt không có lý do.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Bị đơn anh H, chị T1 không đến Tòa án để trình bày ý kiến và giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] ***Xét yêu cầu của Công ty cổ phần M1 tại văn bản số 6102/2025/CV-XLN ngày 21/02/2025 về việc đề nghị Tòa án:*** Công nhận và thực hiện thủ tục chuyển giao, kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng TMCP V sang Công ty cổ phần M1 trong vụ án tranh chấp tín dụng giữa nguyên đơn là Ngân hàng với bị đơn là anh Nguyễn Ngọc H, chị Phạm Nguyễn Thanh T1. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn (Ngân hàng TMCP V) khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Ngọc H, bà Phạm Nguyễn Thanh T1 yêu cầu trả nợ theo Hợp đồng cho vay số LL1711200326699/VTH/HĐTD và Khế ước nhận nợ lần 01/số LN1711200326699/VTH/HĐTD/2022HĐTD/QNI/01 ngày 07-12-2017. Vụ án đã

được Tòa án thụ lý đúng quy định của BLTTDS. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án: Ngày 27 tháng 12 năm 2024 Ngân hàng với Công ty lập Hợp đồng mua bán nợ số 15/2024/VPB-JUPITER của khách hàng vay là anh Nguyễn Ngọc H, chị Phạm Nguyễn Thanh T1 bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn...phát sinh theo Hợp đồng cho vay và Hợp đồng bảo đảm về tài sản.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngân hàng là nguyên đơn trong vụ án không có văn bản yêu cầu Tòa án thay đổi tư cách tố tụng của Ngân hàng hoặc đề nghị xác định Công ty là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng. Việc thay đổi tư cách tố tụng trong vụ án là quyền của nguyên đơn theo quy định tại Điều 68 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Theo quy định tại Điều 365 Bộ luật dân sự 2015, việc chuyển giao quyền yêu cầu chỉ có hiệu lực đối với bên có nghĩa vụ nếu bên có nghĩa vụ đã được thông báo hợp lệ bằng văn bản hoặc thực tế biết về việc chuyển giao. Trong vụ án này, bị đơn anh H, chị T1 là người có nghĩa vụ, nhưng không được Ngân hàng thông báo về việc chuyển giao khoản nợ. Do đó, giao dịch chuyển giao giữa Ngân hàng và Công ty không có hiệu lực đối kháng với bị đơn trong vụ án.

Theo quy định tại Điều 54 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng trong vụ án dân sự phải là người tiếp nhận toàn bộ quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự ban đầu, việc kế thừa này chỉ được xác lập khi có sự kiện pháp lý làm chấm dứt tư cách tố tụng của người ban đầu (chết, giải thể...chuyển nhượng quyền, nghĩa vụ có hiệu lực pháp luật). Nên ngân hàng vẫn là nguyên đơn trong vụ án. Việc Công ty cổ phần M1 đã có văn bản yêu cầu, là không có cơ sở và chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

Mặt khác, Hợp đồng mua bán nợ giữa Ngân hàng với Công ty là Hợp đồng độc lập, không làm phát sinh tư cách tố tụng trong vụ án khi không đáp ứng điều kiện về thông báo đối với các bên liên quan. Do đó, không có căn cứ để xác định Công ty cổ phần M1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng trong vụ án. Nên yêu cầu của Công ty không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu trả nợ tiền vay của nguyên đơn:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng, trong quá trình giải quyết vụ án, có đủ căn cứ để xác định:

Hợp đồng cho vay số LL1711200326699/VTH/HĐTD và Khế ước nhận nợ lần 01/số LN1711200326699/VTH/HĐTD/2022HĐTD/QNI/01 ngày 07-12-2017 với số tiền 559.000.000 đồng được ký giữa Ngân hàng với anh Nguyễn Ngọc H, chị Phạm Nguyễn Thanh T1 là hợp pháp và có giá trị pháp lý, làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia trong hợp đồng. Sau khi hợp đồng cho vay và các khế ước nhận nợ được ký, bị đơn đã được giải ngân toàn bộ với số tiền nêu trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh H, chị T1 đã trả cho Ngân hàng với số tiền: 264.490.978 đồng (trả gốc: 148.170.017 đồng, trả lãi 116.320.961 đồng). Thời điểm trả nợ cuối cùng của anh H, chị T1 cho Ngân hàng ngày 15/5/2024 trả nợ gốc và lãi, từ đó đến nay anh H, chị T1 không thực hiện nghĩa

vụ trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy, bị đơn anh H, chị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng cho vay và đề nghị giải ngân của Ngân hàng.

Việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Ngọc H, chị Phạm Nguyễn Thanh T1 phải trả nợ gốc, nợ lãi của hợp đồng cho vay là hoàn toàn phù hợp với những thỏa thuận giữa hai bên. Đúng với quy định tại các Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[2.3] Về nợ gốc và lãi phải trả:

[2.3.1] Về nợ gốc: Sau khi trừ số tiền bị đơn đã trả 148.170.017 đồng, bị đơn còn nợ tính đến ngày 29/9/2025 tại Hợp đồng cho vay 410.829.983 đồng. Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc anh Nguyễn Ngọc H, chị Phạm Nguyễn Thanh T1 phải trả nợ gốc của Hợp đồng cho vay là 410.829.983 đồng.

[2.3.2] Về nợ lãi: Anh H, chị T1 đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền lãi 116.320.961 đồng từ ngày 16/5/2024 đến nay anh H, chị T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi cho Ngân hàng. Do đó, ngoài việc phải trả tiền lãi trong hạn, anh H, chị T1 còn phải tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại Điều 7 Hợp đồng cho vay của Ngân hàng. Căn cứ quy định tại các Điều 466; 468 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 7; Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hội đồng xét xử chấp nhận buộc anh H, chị T1 phải trả cho Ngân hàng tiền lãi tính đến ngày 29/9/2025 tại Hợp đồng cho vay: 531.842.951 đồng (lãi trong hạn 3.918.543 đồng, lãi quá hạn: 527.924.408 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi bị đơn anh H, chị T1 trả xong nợ cho Ngân hàng.

[2.3.3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, biển kiểm soát: 76A-067.52 tại Hợp đồng thế chấp tài sản số LN1711200326699/VTH/HĐTCSP ngày 07/12/2017 để trả nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 07/12/2017, anh H, chị T1 đã tự nguyện thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, biển kiểm soát: 76A-067.52, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015988 do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh Q cấp 05/12/2017 do anh H, chị T1 đứng tên chủ sở hữu cho Ngân hàng tại Hợp đồng cho vay và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1711200326699/VTH/HĐTCSP ngày 07/12/2017. Việc thế chấp tài sản xe ô tô được đăng ký bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành Phố Hồ Chí Minh:

Xét thấy, việc thế chấp tài sản xe ô tô ngày 07/12/2017 của anh H, chị T1 được thực hiện đúng quy định của pháp luật tại các Điều 295, 298, 299 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 4, Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01-9-2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm. Vì anh H, chị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng. Nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc

phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, biển kiểm soát: 76A-067.52 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015988 do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh Q cấp ngày 05/12/2017 do anh H, chị T1 đứng tên chủ sở hữu, để thu hồi nợ là có căn cứ, đúng pháp luật do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngân hàng yêu cầu, sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì anh H, chị T1 vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng. Căn cứ quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự và sự thỏa thuận của các bên tham gia ký Hợp đồng cho vay nên yêu cầu này của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H, chị Phạm Nguyễn Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 36.000.000 đồng + 3% (942.672.934 đồng - 800.000.000 đồng) = 40.280.188 đồng.

Ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1; 3 Điều 228; Điều 147, Điều 235, 266, 271 và 273; 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

Áp dụng các Điều 295; 299; 317, 318, 319 và 320; 357; 365; 463; 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Điều 4, Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01-9-2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

- Không chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần M1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Ngọc H, chị Phạm Nguyễn Thanh T1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tính đến ngày 29/9/2025 với tổng số tiền:

942.672.934 đồng, trong đó nợ gốc 410.829.983 đồng, nợ lãi 531.842.951 đồng (lãi trong hạn 3.918.543 đồng, lãi quá hạn: 527.924.408 đồng) và tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 30/9/2025 cho đến khi anh H, chị T1 trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V theo Hợp đồng cho vay số LL1711200326699/VTH/HĐTD ngày 11/12/2017.

Trường hợp anh Nguyễn Ngọc H, chị Phạm Nguyễn Thanh T1 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp: 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, số khung: RLLJA695EHH948418; số máy: F18D4172000184, biển kiểm soát 76A-067.52 tại hợp đồng thế chấp tài sản số LN1711200326699/VTH/HĐTCSP ngày 07/12/2017 để trả nợ cho Ngân hàng. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì anh H, chị T1 vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí: Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H, chị Phạm Nguyễn Thanh T1 phải chịu 40.280.188 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.530.642 đồng, theo giấy thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 000000880157 ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi (nay Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1- Quảng Ngãi).

3. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV 1- QN;
- THADS tỉnh QN;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Na Na